

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày: 25-01-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Chu Xuân Toàn.
- Ông Siu Thun Pháo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP); địa chỉ trụ sở chính: Số B, Đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sứ Duy H - Chức vụ: Trưởng Phòng G thuộc Ngân hàng TMCP S Chi nhánh G1; địa chỉ: Số G, Đường H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (Theo Văn bản ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022).

Ông Sứ Duy H ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa cho ông Phan Xuân T - Phó Phòng G thuộc Ngân hàng TMCP S Chi nhánh G1; địa chỉ: Số G, Đường H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (Theo Văn bản ủy quyền số 02/GUQ-PGD CS

ngày 24/01/2024). Ông T có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985 và bà Bùi Thị H1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/3/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Tại Hợp đồng tín dụng từng lần số LD1617500126 ngày 23/6/2016, Hợp đồng tín dụng số LD1718700239 ngày 06/7/2017, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-LD1718700239 ngày 10/7/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1718700239-02 ngày 10/7/2019 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 18/7/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh G1 - Phòng G (sau đây gọi là Ngân hàng) cho ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị H1 vay số tiền gốc 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng). Mục đích bổ sung vốn sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn 06 tháng đầu tiên là 0,8%/tháng và từ tháng thứ bảy trở đi được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng. Thời hạn vay 12 tháng. Ngày giải ngân 18/7/2019, ngày trả nợ 18/7/2020. Phương thức trả nợ: Lãi và vốn gốc trả cuối kỳ.

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 875/2015/PGD-CS ngày 28/8/2015, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01 ngày 30/6/2016, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 02 ngày 06/7/2017, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 03 ngày 10/7/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 04 ngày 16/7/2019 và Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 18/8/2015, ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị H1 đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 54, diện tích 5233,0m² tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 739584 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 13/4/2015 mang tên ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị H1.

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay, ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị H1 không thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi phát sinh đến ngày 14/8/2023. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng khách hàng không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 14/8/2023, ông Q và bà H1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 355.762.683 đồng, trong đó: tiền gốc

225.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 20.664.041 đồng, tiền lãi quá hạn 103.746.573 đồng, tiền lãi phạt 6.352.069 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị H1 phải trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/01/2024 là tổng số tiền gốc và lãi là 371.885.528 đồng, trong đó: tiền gốc 225.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 20.664.041 đồng, tiền lãi quá hạn 118.910.956 đồng, tiền lãi phạt 7.280.531 đồng; cùng toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Trường hợp ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị H1 không trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị H1 chịu toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí liên quan phát sinh.

- Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị H1 phải tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị H1:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Q và bà H1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án để cung ý kiến, tài liệu, chứng cứ, tham gia phiên xem xét, thẩm định tại chỗ, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Q và bà H1 đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày hoặc phải đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Ngân hàng TMCP S giao nộp cho Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù vẫn còn một số vi phạm về thủ tục tố tụng nhưng không nghiêm trọng, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Buộc bị đơn phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị H1 đến Tòa án để làm việc nhưng ông Q, bà H1 đều vắng mặt. Theo kết quả xác minh của Tòa án thì ông Q, bà H1 hiện nay vẫn đăng ký cư trú tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai nhưng thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú, chính quyền địa phương và Tòa án không biết nơi cư trú mới của ông Q, bà H1 và thời điểm ông bà trở về. Địa chỉ nơi cư trú của ông Q, bà H1 đúng với địa chỉ cư trú được ghi trong các hợp đồng giao dịch do Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi là Ngân hàng) cung cấp cho Tòa án. Ông Q, bà H1 không thông báo cho Ngân hàng biết về địa chỉ nơi cư trú mới mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là cố tình che giấu địa chỉ nơi cư trú. Vì vậy, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Q, bà H1 vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q, bà H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, ông Q, bà H1 không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S và các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng giao nộp cho Tòa án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4] Tại Hợp đồng tín dụng từng lần số LD1617500126 ngày 23/6/2016, Hợp đồng tín dụng số LD1718700239 ngày 06/7/2017, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-LD1718700239 ngày 10/7/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1718700239-02 ngày 10/7/2019 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 18/7/2019, Ngân hàng TMCP S thông qua Chi nhánh G1, Phòng G đã cho ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị H1 vay số tiền gốc 225.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn 06 tháng đầu

tiên là 0,8%/tháng và từ tháng thứ bảy trở đi được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng. Thời hạn vay 12 tháng. Ngày giải ngân 18/7/2019, ngày trả nợ 18/7/2020. Phương thức trả nợ: Lãi và vốn gốc trả cuối kỳ.

[4] Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 875/2015/PGD-CS ngày 28/8/2015, Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 18/8/2015, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01 ngày 30/6/2016, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 02 ngày 06/7/2017, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 03 ngày 10/7/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 04 ngày 16/7/2019, ông Q, bà H1 đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP S tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 54, diện tích 5233,0m² tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 739584 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 13/4/2015 mang tên ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị H1.

[5] Việc các bên giao kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là có thật và tự nguyện. Hợp đồng tín dụng có hình thức, nội dung đảm bảo quy định tại Điều 357, 398, 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có hình thức, nội dung đảm bảo quy định tại Điều 298, 501, 502 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167, 188 Luật Đất đai năm 2013 nên có hiệu lực.

[6] Ông Q, bà H1 đã được Ngân hàng giải ngân số tiền vay 225.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 18/7/2019. Quá trình vay vốn, ông Q, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q, bà H1 phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 288, 289, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ông Q, bà H1 phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày xét xử 25/01/2024 là 371.885.528 đồng, trong đó: tiền gốc 225.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 20.664.041 đồng, tiền lãi quá hạn 118.910.956 đồng, tiền lãi phạt 7.280.531 đồng.

[8] Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu ông Q, bà H1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ, phù hợp với

thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng và Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản ông Q, bà H1 thế chấp cho Ngân hàng. Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/9/2023 thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà ông Q, bà H1 đã thế chấp cho Ngân hàng theo các hợp đồng thế chấp và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp có hiện trạng sử dụng phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông Q, bà H1 và không có tranh chấp.

[10] Theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và khoản 6 Điều 320 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp để bên nhận thế chấp xử lý. Vì vậy, trường hợp ông Q, bà H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[11] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.500.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Q, bà H1 phải chịu chi phí này theo quy định tại các Điều 156, 157 và khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Q, bà H1 có nghĩa vụ trả lại số tiền 3.500.000 đồng cho Ngân hàng và không phải trả lãi chậm trả đối với số tiền này do Ngân hàng không yêu cầu.

[12] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận được chấp nhận toàn bộ nên ông Q, bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 156, Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 40, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 90, 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** đối với bị đơn ông **Nguyễn Văn Q** và bà **Bùi Thị H1**.

1. Buộc ông **Nguyễn Văn Q** và bà **Bùi Thị H1** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP S** thông qua **Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh G1, Phòng G** tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/01/2024 là 371.885.528 đồng (Ba trăm bảy mươi một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi tám đồng), trong đó: tiền gốc 225.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 20.664.041 đồng, tiền lãi quá hạn 118.910.956 đồng, tiền lãi phạt 7.280.531 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông **Nguyễn Văn Q** và bà **Bùi Thị H1** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng TMCP S** thông qua **Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh G1, Phòng G** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm mà ông **Q**, bà **H1** đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 875/2015/PGD-CS ngày 28/8/2015, Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 18/8/2015, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01 ngày 30/6/2016, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 02 ngày 06/7/2017, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 03 ngày 10/7/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 04 ngày 16/7/2019 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Ông **Nguyễn Văn Q** và bà **Bùi Thị H1** có nghĩa vụ thanh toán lại cho **Ngân hàng TMCP S** thông qua **Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh G1, Phòng G** chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Ông **Q**, bà **H1** không phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền này.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông **Nguyễn Văn Q** và bà **Bùi Thị H1** phải chịu toàn

bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.594.276 đồng (Mười tám triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi sáu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước (Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai khi bản án có hiệu lực pháp luật).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S thông qua Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh G1, Phòng G toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 8.814.985 đồng (Tám triệu tám trăm mười bốn nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001307 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Pưh;
- CCTHADS huyện Chư Pưh;
- Lưu: HSVA, VT-LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Nay Lu Vinh